PHỤ LỤC 1. TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ

(Kèm theo Quyết định số 1566 /QĐ-UBND ngày 10/9/2024 của UBND tỉnh)

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	KÝ HIỆU	CÁCH TÍNH	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Chi phí lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch	G1	Dự toán chi tiết	209.158.000	Xem dự toán chi tiết
2	Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch xây dựng (tỷ lệ x giá trị lập đồ án quy hoạch trước thuế)	G2	12,35 % x 193.664.815 đồng	23.927.104	Bảng 11 - TT 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019
3	Chi phí quản lý nghiệp vụ lập đồ án quy hoạch xây dựng (tỷ lệ x giá trị lập đồ án quy hoạch trước thuế)	G3	10,64 % x 193.664.815 đồng	20.602.085	Bảng 11 - TT 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019
4	Chi phí tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức và đại diện cộng đồng dân cư (tỷ lệ x giá trị lập đồ án quy hoạch sau thuế)	G4	2,00 % x 209.158.000 đồng	5.000.000	TT 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019
5	Chi phí công bố quy hoạch (tỷ lệ x giá trị lập đồ án quy hoạch sau thuế)	G5	3,00 % x 209.158.000 đồng	6.274.740	TT 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019
6	Chi phí hồ sơ quy hoạch theo thông tin địa lý (GIS)	G6	10,00 % x 209.158.000 đồng	20.915.800	Văn bản số 668/SXD-QHKT&PTĐT ngày 26/4/2022 của Sở Xây dựng Lạng Sơn
7	Chi phí tư vấn đấu thầu gói thầu lập nhiệm vụ quy hoạch:	G7		11.000.000	
	- Chi phí lập hồ sơ mời thầu			*3.000.000*	

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	KÝ HIỆU	CÁCH TÍNH	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
	- Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu			*2.000.000*	
	- Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu			*3.000.000*	
	- Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu			*3.000.000*	
	TỔNG CHI PHÍ TƯ VẤN	**G**	**G1+G2+…+G7**	**296.877.728**	
	LÀM TRÒN:			**296.878.000**	

PHỤ LỤC 2. CHI PHÍ LẬP ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH

(*Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /9/2024 của UBND tỉnh*)

Bảng 1: Tổng hợp chi phí tư vấn

TT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	DIỄN GIẢI	GIÁ TRỊ (ĐỒNG)	KÝ HIỆU
1	Chi phí chuyên gia	Xem bảng chi tiết B2	105.600.000	Ccg
2	Chi phí quản lý	50% x Ccg	52.800.000	Cql
3	Chi phí khác	Xem bảng chi tiết B3	25.760.667	Ck
4	Thu nhập chịu thuế tính trước	6% x (Ccg+Cql)	9.504.000	TN
5	Thuế VAT 8%	8% x (Ccg+Cql+Ck+TN)	15.493.173	VAT
6	Tổng cộng	Ccg+Cql+Ck+TN+VAT	209.157.840	Ctv
	LÀM TRÒN		**209.158.000**	

Bảng 2: Chi phí lương chuyên gia

TT	Chuyên gia thực hiện	Vị trí dự kiến	chuyên gia theo Thông tư số 11/2021/TT-BXD		Số ngày làm việc	Thù lao cho chuyên gia (5) x(6)
			Năm kinh nghiệm	Lương/ ngày		
	(1)	**(2)**	**(3)**		**(6)**	**(7)= (5)x (6)**
			(3.1)	(3.2)		
1	Chuyên gia 1	Chủ nhiệm đồ án quy hoạch	>=10 năm	1.150.000	55,0	63.250.000
2	Chuyên gia 2	Chủ trì thiết kế bộ môn kiến trúc quy hoạch-Chuyên gia thiết kế kiến trúc	5-10 năm	770.000	25,0	19.250.000

TT	Chuyên gia thực hiện	Vị trí dự kiến	chuyên gia theo Thông tư số 11/2021/TT-BXD		Số ngày làm việc	Thù lao cho chuyên gia (5) x(6)
			Năm kinh nghiệm	Lương/ ngày		
4	Chuyên gia 3	Chủ trì thiết kế giao thông, san nền - Chuyên gia thiết kế giao thông, san nền	5-10 năm	770.000	10,0	7.700.000
5	Chuyên gia 4	Chủ trì thiết kế điện - Chuyên gia thiết kế điện	5-10 năm	770.000	5,0	3.850.000
6	Chuyên gia 5	Chủ trì thiết kế cấp thoát nước - Chuyên gia thiết kế cấp thoát nước	5-10 năm	770.000	7,0	5.390.000
7	Chuyên gia 6	Chuyên gia thiết kế hệ thống thông tin, liên lạc	5-10 năm	770.000	5,0	3.850.000
8	Chuyên gia 7	Chủ trì dự toán	5-10 năm	770.000	3,0	2.310.000
		Cộng			**110,0**	**105.600.000**